SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG **TRUNG TÂM Y TẾ Q. DƯƠNG KINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 578 /TM–TTYTDK V/v Thư mời chào giá mua sắm bổ sung Hóa chất xét nghiệm - sinh phẩm năm 2023-2024 tại Trung tâm y tế Quận Dương Kinh	*Dương Kinh, ngày 19 tháng 07 năm 2023*

Kính gửi: Các công ty sản xuất, kinh doanh cung cấp Vật tư y tế, Hóa chất, Sinh phẩm, trang thiết bị y tế tại Việt Nam

Căn cứ thông tư 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Trung tâm y tế Quận Dương Kinh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm Hóa chất xét nghiệm - Sinh phẩm năm 2023-2024 tại trung tâm y tế Quận Dương Kinh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế Quận Dương Kinh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Vũ Thị Kim Thoan, Trưởng phòng Tài chính kế toán, điện thoại: 0919.315.188, gmail: thoan.vtk@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Báo giá bằng văn bản, có chữ ký họ tên, chức danh của người đại diện và đóng dấu công ty.

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Đường Mạc Đăng Doanh, phường Hưng Đạo, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 19 tháng 07 năm 2023 đến trước 17h ngày 28 tháng 07 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 19 tháng 07 năm 2023

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa tại phụ lục đính kèm thư mời này;

2. Địa điểm giao hàng: Tại kho của khoa Dược Trung tâm y tế Quận Dương Kinh;

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý III năm 2023

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: thanh toán từng đợt theo số lượng thực tế giao nhận và đơn giá hàng hóa quy định tại hợp đồng;

5. Trung tâm y tế Quận Dương Kinh thành phố Hải Phòng kính mời các Công ty/Nhà cung cấp/Đơn vị quan tâm và có khả năng cung cấp, gửi 01 báo giá bản cứng để tài liệu chứng minh các nội dung theo mẫu báo giá quy định tại

Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023, điện thoại/Email đại diện đơn vị báo giá trong trường hợp Trung tâm cần liên lạc.

Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý các công ty.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi.
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN DƯƠNG KINH

GIÁM ĐỐC

Đoàn Văn Doan

PHỤ LỤC: DANH MỤC MUA SẮM HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM - SINH PHẨM NĂM 2023-2024

(Đính kèm thư mời số: 578 /TM-TTYTDK ngày 19 tháng 07 năm 2023 của TTYT Quận Dương Kinh)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Dung dịch pha loãng cho máy huyết học Sysmex	Công dụng: Dung dịch dùng để pha loãng sử dụng cho máy huyết học Bảo quản: ở 5 - 30 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày Thành phần: Sodium Chlorride 6.38 g/l, Boric Acid 1 g/l, Sodium Tetraborate 0.2 g/l, EDTA-2K 0.2 g/l, Thùng ≥ 20 lít	25	Thùng
2	Dung dịch ly giải hồng cầu cho máy Sysmex	Công dụng: dung dịch ly giải hồng cầu, giúp đếm chính xác số lượng bạch cầu Bảo quản: 2 - 35 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày ; chai ≥ 500ml Thành phần: Organic quaternary ammonium salt 8,5g/l và sodium chloride 0.6g/l	25	Chai
3	Que thử 10 TS	- Các chỉ số đo: Gluscose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocyte, SG. - Dải đo của các chỉ số: Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin Leukocyte: 5-15 cells/hpf Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid pH: 4.6- 8.0 SG: 1.001-1.035 Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL Urobilinogen: 0.2EU/dL - Trên thanh thử có miếng dán (ID band) có tác dụng kích hoạt kiểm tra tự động. Hộp 100 test	15000	Test

4	Hóa chất xét nghiệm HDL-C	A. Reagent A: Cholesterol oxidase solution (< 3000 U/l) Peoxydase (< 5000 U/l) N-ethyl-N-(2-hydroxy-3 sulfopropyl)- 3-toluidine disodium (TOOS) (< 1 mM) B. Reagent B: Detergent solution (< 2%) Cholesterol esterase (< 3000 U/l) 4-aminoantipyrine (4-AAP) (< 1 mM) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hộp ≥ 72 mL (2 x 27 + 2 x 9 mL)	7	Hộp
5	Hóa chất xét nghiệm Triglyceride	GK ≥ 500 U/l GPO ≥ 1.500 U/l POD ≥ 900 U/l ATP 2 mmol/l 4-AP 0,4 mmol/l Độ tái lặp (Reproducibility) ≤ 0,5% Hộp ≥160ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5	Hộp
6	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	CHE ≥ 100 U/l CHOD ≥ 100 U/l POD ≥ 1000 U/l 4-AP 0,2 mmol/l Good 50 mmol/l Phenol 15 mmol/l Sodium cholate 0,2 mmol/l Độ tái lặp (Reproducibility) ≤ 3,49% Hộp ≥160ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5	Hộp
7	Hóa chất xét nghiệm Creatinin	A. Reagent A: 12,7 mmol/l picric acid 8,4 mmol/l sodium lauryl sulphate solution B. Reagent B: 53 mmol/l borate 970 mmol/l sodium hydroxide solution Giới hạn phát hiện: 4,5 – 90 mg/l Hộp ≥ 250ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	2	Hộp

8	Test thử Morphin	Phát hiện định tính nhanh morphin, opiate và các chất chuyển hóa của chúng trong mẫu nước tiểu người ở nồng độ giá trị cut-off là 300 ng/ml. Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 100%. Hạn dùng 24 tháng kể từ ngày sản xuất.	150	Test
9	Test phats hiện kháng thể HIV	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.8%.Hộp 100 test. Cộng hợp vàng: kháng nguyên tái tổ hợp HIV-1 gp41, p24, HIV-2 gp36 - keo vàng; Vạch thử 1: kháng nguyên tái tổ hợp HIV-1 (gp41, p24); Vạch thử 2: kháng nguyên tái tổ hợp HIV -2 (gp36); Vạch chứng: huyết thanh dê kháng HIV. Hạn dùng 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Không có phản ứng chéo với các mẫu thẩm tách máu, mẫu rối loạn đông máu, mẫu chứa yếu tố dạng thấp, mẫu dương tính với kháng thể kháng HCV và mẫu máu phụ nữ mang thai. Kít thử hoạt động ổn định ít nhất 48 giờ sau khi mở túi nhôm. Được ban hành trong Hướng dẫn Quản Lý, Điều trị và chăm sóc HIV/AIDS của BYT hiện hành và trong công văn 858 về việc khuyến cáo các phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV Quốc gia của viện vệ sinh dịch tể trung ương. Đạt tiêu chuẩn: ISO, WHO	200	Test
10	Test phát hiện kháng nguyên HbsAg	Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người. Độ nhạy: 96,2-100%, Độ đặc hiệu: 97,9-100%. Không cần dung dịch đệm (lọ Buffer). Các mẫu ly giải máu, mẫu mỡ máu, vàng da không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Không có phản ứng chéo với các mẫu chứa yếu tố dạng thấp, chứa kháng thể kháng HCV, kháng thể kháng HIV và phụ nữ mang thai. Kít thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C.	180	Test
11	Dung dịch rửa protein	Catalyzer: pouch containing pepsin 8g/l Solution: 0,075 N hydrochloric acid Surfactant. Hộp ≥ (3 x 125 ml)	13	Hộp
12	Hóa chất xét nghiệm GOT	L-Aspartate 200 mmol/l NADH 0,18 mmol/l MDH ≥ 400 U/l LDH ≥ 600 U/l 2-Oxoglutarate 12 mmol/l Hộp ≥ 200ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	7	Hộp

13	Hóa chất xét nghiệm GPT	A. Reagent A: L-Alanine 500 mmol/l B. Reagent B: NADH 0,18 mmol/l LDH ≥ 1,5 U/l 2-Oxoglutarate 15 mmol/l Hộp ≥ 200ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	7	Hộp
14	Hóa chất xét nghiệm Ure	A. Reagent A: Good buffer 250 mmol/l 2-Oxoglutarate 7,5 mmol/l Urease (Jack bean) ≥ 5.000 U/l GlDH (glutamate dehydrogenase - microbial) ≥ 800 U/l B. Reagent B: NADH 0,28 mmol/l Độ tái lặp (Inter-assay precision): CV ≤ 2,36% Hộp ≥500ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3	Hộp
15	Chất kiểm chuẩn	Huyết thanh đông khô 2 mức giá trị kiểm chuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	6	Bộ
16	Hóa chất xét nghiệm Glucose	GOD (microbial) ≥ 10 kU/l POD (horse-radish) ≥ 1 kU/l 4-AP 0,5 mmol Phosphate 100 mmol, pH 7,0 Hydroxybenzoate 12 mmol Độ lặp lại (Intra-assay precision) ≤ 1,39% Độ tái lặp (Inter-assay precision) C 1,92% Hộp ≥160ml	23	Hộp
Tổng : 16 loại				